ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN



BÀI GIẢNG

NHẬP MÔN LẬP TRÌNH



Nguyễn Trọng Chỉnh chinhnt@uit.edu.vn

NỘI DUNG MÔN HỌC

- ♦ CHƯƠNG I: TỔNG QUAN VỀ LẬP TRÌNH
- ♦ CHƯƠNG II: GIỚI THIỆU VỀ THUẬT TOÁN
- ♦ CHƯƠNG III: KIỂU DỮ LIỆU CƠ BẢN
- ♦ CHƯƠNG IV: CÁC CẦU TRÚC ĐIỀU KHIỂN
- ❖ CHƯƠNG V: HÀM VÀ THAM SỐ CỦA HÀM
- ♦ CHƯƠNG VI: MẢNG VÀ CẦU TRÚC
- ♦ CHƯƠNG VII: CON TRỔ
- ❖ CHƯƠNG VIII: LẬP TRÌNH VỚI TẬP TIN
- **❖**ÔN TẬP

ĐÁNH GIÁ MÔN HỌC

❖Thi thực hành: 30%

❖Thi lý thuyết giữa kỳ: 20%

❖Thi lý thuyết cuối kỳ: 50%

TÀI LIỆU HỌC TẬP, THAM KHẢO

- ❖ Giáo trình Tin học đại cương A2 Nhiều tác giả, Trường ĐHCNTT.
- ❖Giáo trình Nhập môn lập trình Khoa CNTT, Trường ĐHKHTN
- ❖Thinking in C++, Bruce Eckel.
- Theory and Problems of Fundamentals of Computing with C++, John R. Hubbard, Schaum's Outlines series.

CÔNG CỤ THỰC HÀNH

- ❖Microsoft Visual Studio C++.
- ❖Dev C++.



NHẬP MÔN LẬP TRÌNH CHƯƠNG I

TỔNG QUAN VỀ LẬP TRÌNH



Nguyễn Trọng Chỉnh chinhnt@uit.edu.vn

TỔNG QUAN VỀ LẬP TRÌNH

- **♦**CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH
- ❖CÁC NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH
- ❖CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ LẬP TRÌNH
- ❖CÁC HỆ ĐẾM TRÊN MÁY TÍNH

CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH

❖SƠ LƯỢC VỀ MÁY TÍNH



- Máy tính (computer) là một công cụ tính toán.
- Hoạt động dựa trên tín hiệu điện.
- Có khả năng xử lý trong thời gian ngắn hơn rất nhiều so với con người.

CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH

❖SƠ LƯỢC VỀ MÁY TÍNH



 Xử lý dựa trên tập lệnh được thiết lập trong bộ xử lý trung tâm (CPU).

 Lấy dữ liệu cần xử lý từ bàn phím, các thiết bị lưu trữ (đĩa cứng, đĩa CD, Flash Drive,...).

 Lưu trữ dữ liệu tạm trên RAM để xử lý.

CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH

♦CHƯƠNG TRÌNH MÁY TÍNH

- Là tập các chỉ thị được định nghĩa trong tập lệnh của CPU, được tổ chức theo một trình tự nhất định.
- Dựa vào chương trình máy tính, CPU sẽ thực hiện tuần tự các chỉ thị để giải quyết một bài toán nào đó.

C1921 522 141 545	● N 網 / W N N N N N N N N N N N N N N N N N N		
- 全数差多多。1.1.1.1.1.1.1.1.1.1.1.1.1.1.1.1.1.1.1	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	3 857 278 201 1 38	1.160
	168 - 27 - 88 YAS-10	் சிறுவ் பிறுவி பிறுவி விறுவி விறுவி	Pin 475
(Author) 1 2 2 4 1 1 2 2 1 1 2 1 2 1 2 1 2 1 2 1	4 200 4 200 4 20 4 20 5 4 20	5 * 5 X	F. 155-M
		4 39 91 98 138 34	# · · · · · · · · · · · · · · · · · · ·
	三元郎 (衛型財・大学等・・報告) 三国	3. 三三位:三三位、子安安、 四位:三三位	* * * * * * * * * * * * * * * * * * *
24 231 100 225 12C	Z Z.T	1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1	ā
the state of the s	- X	et i julice i literativa i lite	// · · · · · · · · · · · · · · · · · ·
The state of the s	· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	8. anga jarah jarah jarah jarah barah	3 · · · · · · · · · · · · · · · · · · ·
子包数	1862 ET 178	STREET STATE OF THE	* ~ ~
11 175 120 16 355	196 97 43 8	8 1 a x 1 a x 2 a	N
	37 SE 17 SE 1 SE 1 SE 1	일 : 8년(남 <u>역 : </u> 수용본 : # : '4 #)	22° #43
*** · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	**** - * *	6 74 B 125 B 121	a - :- 10
236 775 726 6 46	7.02 · · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	88 - 35.59(8) 1 1 1 20 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1	化 唯概收
118 46 16 264 39	- 100 . Il. 128 . Far		7.272
and the second terms of the second se	*** a to the second of the sec	五,步望远,"赤壁图","赤明庄, 赤壁庙" "赤鹭"	h # 1 ##
	不可な・・・・ 受客には、金田・・・ 知島・・・・・	6、3.李汉、1.7.9、1.67、1.746、3.80	2 - 157
· · · · · · · · · · · · · · · · · · ·	A . A . Watch 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1 1	第二世世紀 二十二十二十二十二十二十二十二十二十二十二十二十二十二十二十二十二十二十二十	
120-3 FT - 200-4 Vt 200-6-4 8-404	TO SECURE	** ** ** ** ** ** ** ** ** ** ** ** **	
▼投資業費・・・・・ 2、食業・ 契款職・	\$	죠 우살 . 수설 요즘 오루 숙/	
### 197 ##########	… 効然・数性性・数主要・・ 佐柱・主生		es : : : : : :
	## . F.S. #A	A 35.89598 35.85 MH	CS TEFECS
	TER TER TOTAL	SA RETRICTION SHIPS AND SERVICE SHIPS AND SERVIC	36
	子葉の一葉質像・書舞と・・・・ か・ 手方	3 197 389 126 215 82 5 847 55 185 64 3	3
254 55 48 74 14 14 14 14 14 14 14 14 14 14 14 14 14	** ** ** ** ** ** ** ** ** ** ** ** **	部・倉本マー 英語・安静器 ・ 純本・・落	4 41
11 11 13 14 14 14 15 14 15 14 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15 15	「10歳」 現長 「3歳」 東美 しまれ	The control of the co	20 - 1 TE-10
	AMPS - 27/07 - 48/25 - 47/26 - 17/2	mp 8 255	

CÁC NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH

❖NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH BẬC THẤP

- là ngôn ngữ lập trình đúng bằng hoặc gần sát với tập lệnh của CPU.
- ngôn ngữ lập trình bậc thấp có thể là mã máy (machine code) hoặc hợp ngữ (assembly language)

R2,80

#1,#2

6€110 6F5

81, 82 82, 83



CÁC NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH

❖NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH BẬC THẤP

- Ngôn ngữ lập trình bậc thấp có thể chuyển sang mã máy mà không cần trình biên dịch hoặc thông dịch.
- Mã máy có được có thể chạy trực tiếp trên CPU

CÁC NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH

❖NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH BẬC CAO

- là ngôn ngữ lập trình đã được che dấu các chi tiết về tập lệnh của CPU.
- sử dụng các từ khóa trong ngôn ngữ tự nhiên để con người có thể dễ dàng hiểu chương trình hơn.
- sử dụng trình biên dịch (compiler) để sinh chương trình máy tính tương ứng
- các ngôn ngữ lập trình bậc cao có thể kể là: Pascal,
 C/C++, ...

CÁC NGÔN NGỮ LẬP TRÌNH

❖NGÔN NGỮ KỊCH BẢN

- là một dạng ngôn ngữ lập trình bậc cao.
- chương trình viết bằng ngôn ngữ kịch bản không dịch sang mã máy mà được thực thi trực tiếp nhờ trình thông dịch (interpreter).
- các ngôn ngữ kịch bản có thể là JavaScript, Python, PHP, VBScript, VBA, ...

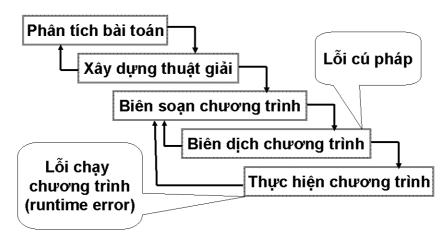
- **♦**LÂP TRÌNH MÁY TÍNH
- ❖BIÊN SOẠN CHƯƠNG TRÌNH
- ◆BIÊN DỊCH
- **♦**THÔNG DỊCH
- ❖GÕ RỐI

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ LẬP TRÌNH

♦LẬP TRÌNH MÁY TÍNH

- là việc xây dựng chương trình máy tính để phục vụ cho một mục đích nào đó.
- các bước xây dựng một chương trình máy tính nhằm giải quyết một bài toán cụ thể như sau:

♦LẬP TRÌNH MÁY TÍNH



CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ LẬP TRÌNH

♦LẬP TRÌNH MÁY TÍNH

- Phân tích bài toán: phân tích yêu cầu và các dữ kiện của bài toán để lựa chọn cách giải quyết.
- Xây dựng thuật giải: xác định các bước tính toán,
 xử lý để giải quyết bài toán theo cách đã chọn.
- Biên soạn chương trình: dùng một ngôn ngữ lập trình để mô tả các bước xử lý đã xác định sau khi xây dựng thuật toán. Kết quả biên soạn là mã nguồn (source code) của chương trình máy tính.

♣LẬP TRÌNH MÁY TÍNH

- **Biên dịch chương trình:** phát sinh chương trình máy tính từ mã nguồn.
- Thực hiện chương trình: dùng lệnh thực thi chương trình của hệ điều hành để nạp chương trình vào bộ nhớ và thực hiện các chỉ thị của chương trình máy tính.

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ LẬP TRÌNH

♦BIÊN SOAN CHƯƠNG TRÌNH

 tổ chức các câu lệnh có trong ngôn ngữ lập trình theo các cấu trúc và cú pháp được xác định bởi ngôn ngữ lập trình để thể hiện thuật giải.

Ví dụ: biên soạn chương trình in ra màn hình dòng chữ "xin chao" với ngôn ngữ c.

```
#include <stdio.h>
void main() {
    printf("xin chao\n");
}
```

◆BIÊN DỊCH

- Là quá trình sinh mã máy từ kết quả biên soạn chương trình trên một ngôn ngữ lập trình bậc cao.
- Quá trình biên dịch thành mã máy được thực hiện nhờ chương trình biên dịch (compiler) và chương trình liên kết (linker).

CÁC KHÁI NIỆM CƠ BẢN VỀ LẬP TRÌNH

❖THÔNG DỊCH

- Là quá trình trực tiếp đọc từng câu lệnh trong chương trình nguồn được viết bằng ngôn ngữ kịch bản và ra lệnh cho máy tính thực hiện các xử lý tương ứng.
- Quá trình chạy chương trình được thực hiện nhờ một chương trình thông dịch (interpreter).

❖GÕ RÓI (Debug)

- Là quá trình thực hiện từng bước chương trình đã được biên dịch nhằm xử lý các lỗi nảy sinh trong quá trình chạy chương trình (runtime error).
- Quá trình gỡ rối được thực hiện nhờ chương trình gỡ rối (debugger).

CÁC HỆ ĐẾM TRÊN MÁY TÍNH

- ❖HỆ ĐÉM
- ❖HỆ NHỊ PHÂN
- ❖HỆ BÁT PHÂN
- ❖HỆ THẬP LỤC PHÂN

♣HỆ ĐÉM

- là tập các ký hiệu dùng để biểu diễn giá trị số.
- **Ví dụ**: hệ đếm La Mã dùng các ký hiệu sau để biểu diễn giá trị số: I(1), II(2), III(3), V(5), X(10), L(50), C(100), D(500), M(1000).
- Hệ đếm thông thường được sử dụng là hệ thập phân dùng 10 ký số để biểu diễn.

CÁC HỆ ĐẾM TRÊN MÁY TÍNH

❖HỆ ĐÉM

 Công thức biểu diễn giá trị số n trong một hệ đếm có cơ số m:

$$n = a_k a_{k-1} a_0 = a_k . m^k + a_{k-1} . m^{k-1} + ... + a_0 . m^0$$

Để phân biệt số trong các hệ đếm khác nhau,
 người ta ghi cơ số của hệ đếm vào số tương ứng như sau: a_m có nghĩa là a trong hệ đếm m.

Ví dụ: giá trị 2014 được biểu diễn trong hệ đếm thập phân là:

$$2014 = 2014 = 2.10^3 + 0.10^2 + 1.10^1 + 4.10^0$$

❖HỆ NH! PHÂN (Binary)

- dùng 2 ký số là 0 và 1 để biểu diễn giá trị số.

Ví dụ: biểu diễn nhị phân của các giá trị tương ứng 0(0), 1(1), 10(2), 11(3), 100(4), 101(5), 110(6), 111(7), 1000(8), 1001(9), 1010(10).

Ta có 10 được biểu diễn trong hệ nhị phân là 1010 vì:

$$10 = 1 \ 0 \ 1 \ 0_2 = 1.2^3 + 0.2^2 + 1.2^1 + 0.2^0$$
$$= 1.8 + 0.4 + 1.2 + 0.1 = 8 + 0 + 2 + 0$$

CÁC HỆ ĐẾM TRÊN MÁY TÍNH

❖HỆ NH! PHÂN (Binary)

- Để chuyển một giá trị thập phân sang hệ nhị phân, ta thực hiện các bước sau:
- + Bước 1: chia giá trị cho 2 nhận được thương là n và số dư là m
- + Bước 2: nếu thương n nhỏ hơn 2 thì dừng, kết quả là một số được bắt đầu bằng n và tất cả số dư m kế tiếp n theo trình tự ngược với trình tự thực hiện phép chia; ngược lại, quay lại bước 1.

❖HỆ NH! PHÂN (Binary)

Ví dụ: biểu diễn giá trị 23 sang hệ đếm nhị phân:

$Vay 23 = 10111_2$

CÁC HỆ ĐẾM TRÊN MÁY TÍNH

❖HỆ BÁT PHÂN (Octal)

dùng 8 ký số là 0,1,2,3,4,5,6,7 để biểu diễn giá trị số.
Ví dụ: biểu diễn bát phân của các giá trị tương ứng
0(0), 1(1), 2(2), 3(3), 4(4), 5(5), 6(6), 7(7), 10(8), 11(9), 12(10).

Ta có 125 được biểu diễn trong hệ bát phân là 175 vì: $125 - 1.75 - 1.8^2 + 7.8^1 + 5.8^0$

$$125 = 175_8 = 1.8^2 + 7.8^1 + 5.8^0$$

= $1.64 + 7.8 + 5.1 = 64 + 56 + 5$

❖HỆ BÁT PHÂN (Octal)

- Để chuyển một giá trị thập phân sang hệ bát phân, ta thực hiện các bước sau:
- + Bước 1: chia giá trị cho 8 nhận được thương là n và số dư là m
- + Bước 2: nếu thương n nhỏ hơn 8 thì dừng, kết quả là một số được bắt đầu bằng n và tất cả số dư m kế tiếp n theo trình tự ngược với trình tự thực hiện phép chia; ngược lại, quay lại bước 1.

CÁC HỆ ĐẾM TRÊN MÁY TÍNH

❖HỆ BÁT PHÂN (Octal)

Ví dụ: biểu diễn giá trị 514 trong hệ đếm bát phân:

❖HỆ BÁT PHÂN (Octal)

 để chuyển giá trị từ hệ bát phân sang nhị phân, chuyển mỗi ký số trong hệ bát phân sang 3 ký số trong hệ nhị phân có giá trị tương ứng

Ví dụ biểu diễn 102_s trong hệ nhị phân

Ta có: 1 = 001, 0 = 000, 2 = 010 Vậy $102_8 = 001000010_2$

CÁC HỆ ĐẾM TRÊN MÁY TÍNH

❖HỆ BÁT PHÂN (Octal)

 để chuyển giá trị từ hệ nhị phân sang hệ bát phân, chuyển mỗi nhóm 3 ký số của số nhị phân sang giá trị tương ứng trong hệ bát phân theo trình tự từ phải qua.

Ví dụ biểu diễn 1101011010_2 trong hệ bát phân Ta có: 010 = 2, 011 = 3, 101 = 5, 1 = 1Vậy $1101011010_2 = 1532_8$

❖HỆ THẬP LỤC PHÂN (Hexadecimal)

 dùng 16 ký số là 0,1,2,3,4,5,6,7,8,9,A,B,C,D,E,F để biểu diễn giá trị số.

Ví dụ: biểu diễn thập lục phân của các giá trị tương ứng: 0(0), 1(1), 2(2), 3(3), 4(4), 5(5), 6(6), 7(7), 8(8), 9(9), A(10), B(11), C(12), D(13), E(14), F(15), 10(16).

Ta có 127 được biểu diễn trong hệ thập lục phân là 7F vì:

$$127 = 7 F_{16} = 7.16^{1} + F.16^{0} = 7.16 + 15.1 = 112 + 15$$

CÁC HỆ ĐẾM TRÊN MÁY TÍNH

❖HỆ THẬP LỤC PHÂN (Hexadecimal)

- Để chuyển một giá trị thập phân sang hệ thập lục phân, ta thực hiện các bước sau:
- + Bước 1: chia giá trị cho 16 nhận được thương là n và số dư là m
- + Bước 2: nếu thương n nhỏ hơn 16 thì dừng, kết quả là một số được bắt đầu bằng n và tất cả số dư m kế tiếp n theo trình tự ngược với trình tự thực hiện phép chia, các số dư là 10, 11, 12, 13, 14, 15 được thay bằng các ký tự A, B, C, D, E, F tương ứng; ngược lại, quay lại bước 1.

❖HỆ THẬP LỤC PHÂN (Hexadecimal)

Ví dụ: biểu diễn giá trị 510 sang hệ đếm thập lục phân:

510 16 14 31 16 15 1 Vậy 510 = 1FE₁₆

CÁC HỆ ĐẾM TRÊN MÁY TÍNH

❖HỆ THẬP LỤC PHÂN (Hexadecimal)

 để chuyển giá trị từ hệ thập lục phân sang nhị phân, chuyển mỗi ký số trong hệ bát phân sang 4 ký số trong hệ nhị phân có giá trị tương ứng

 ${
m V\'i}$ dụ biểu diễn ${
m AF}_{16}$ trong hệ nhị phân

Ta có: A = 1010, F= 1111 Vậy AF₁₆ = 10101111₂

❖HỆ THẬP LỤC PHÂN (Hexadecimal)

 để chuyển giá trị từ hệ nhị phân sang hệ thập lục phân, chuyển mỗi nhóm 4 ký số của số nhị phân sang giá trị tương ứng trong hệ thập lục phân theo trình tự từ phải qua.

Ví dụ biểu diễn 1101011010_2 trong hệ thập lục phân Ta có: 1010 = A, 0101 = 5, 11 = 3 Vậy $1101011010_2 = 35A_{16}$